

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-3-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Văn Bình**.

2/ Bà **Lê Thị Trúc Linh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lâm Điều Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 05 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thuý N**, sinh năm 1989. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1976. (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 26/12/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thuý N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn N thành hôn vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/6/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian chung sống được 13 năm, lúc đầu có hạnh phúc, thời gian gần đây năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, sống không có tiếng nói chung từ tháng 9 năm 2023 do anh N không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2023 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Quang Hoài N, sinh ngày 31/5/2010 và Nguyễn Thuý Kiều N, sinh ngày 17/12/2015 hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản (Biên bản hoà giải) ngày 21/02/2024, bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian thành hôn, đăng ký kết hôn. Anh xác định quá trình chung sống vợ chồng sống vẫn hạnh phúc, thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Chị N thường xuyên uống rượu với bạn bè anh có khuyên nhiều lần nhưng chị N không sửa đổi. Việc chị N trình bày anh không lo làm ăn là không đúng anh có đi làm để lo cho gia đình. Nay anh xác định còn tình cảm, anh xin đoàn tụ với chị N.

- Về con chung: Theo nguyện vọng của các con, nếu các con có nguyện vọng sống với chị N thì anh đồng ý và anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thuý N trình bày: Chị vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh N do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục được nữa. Con chung chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung để tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh xác định vẫn còn thương vợ, mong muốn được đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Nhưng nếu chị N cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý theo yêu cầu của chị N. Về con chung nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý để chị N được trực tiếp nuôi 02 con chung, anh không cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung để tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thuý N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn và nuôi con chung với anh Nguyễn Văn N cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn,

tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thuý N và anh Nguyễn Văn N thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66 vào ngày 25/6/2010 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh N là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị N và anh N thời gian đầu sống rất hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi do chị N thường xuyên uống rượu với bạn bè, anh N khuyên can nhiều lần nhưng chị N không sửa đổi và vợ chồng ly thân từ tháng 12/2023 đến nay không hàn gắn lại được. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N cương quyết xin ly hôn với anh N. Tại phiên toà anh N cũng đồng ý ly hôn với chị N nếu chị N đã cương quyết. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị N và anh N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy 02 con chung tên Nguyễn Quang Hoài N, sinh ngày 31/5/2010 và Nguyễn Thuý Kiều N, sinh ngày 17/12/2015 hiện đang sống trực tiếp với chị N, cuộc sống của các cháu cũng đảm bảo, các cháu đều có nguyện vọng sống chung với chị N và tại biên bản hoà giải ngày 21/02/2024 giữa chị N và anh N thống nhất nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì 02 con chung giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nên Hội đồng xét xử xét giao 02 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thuý N và anh Nguyễn Văn N tự thoả thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thuý N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thuý N. Xử cho chị N ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Quang Hoài N, sinh ngày 31/5/2010 và Nguyễn Thuý Kiều N, sinh ngày 17/12/2015 cho chị Nguyễn Thuý N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thuý N và anh Nguyễn Văn N tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thuý N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị N đã nộp theo biên lai thu số 0010957 ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 25/6/2010);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy An